TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05-4-2021.
V/v: Ly hôn giữa chị Đ và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mầng.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 05/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2021 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị LTĐ, trú tại: Bản SV, xã MK, huyện TC, tỉnh SL. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh CVT, trú tại: Bản CL, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTĐ trình bày:

Chị và anh CVT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 14/9/2004 có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã MK, huyện TC, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2007 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh CVT không chăm lo xây dựng gia đình, thường xuyên sử dụng rượu, có bạo lực gia đình. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can nhưng không khắc phục được. Hiện nay hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTĐ xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh CVT.

Về con chung: Có hai con là CVQ, sinh ngày 15/02/2005, CVK, sinh ngày 23/11/2006. Chị LTĐ xin trực tiếp nuôi các con, chị không yêu cầu anh CVT phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu CVQ đã công việc và sống tự lập không cần bố mẹ trực tiếp nuôi.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, do anh CVT đã bán hết không còn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh CVT từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị LTĐ và anh CVT. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTĐ.

Về con chung: Có hai con là CVQ, sinh ngày 15/02/2005, CVK, sinh ngày 23/11/2006.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ để xử cho chị LTĐ được ly hôn anh CVT.

Về con chung: Giao cho chị LTĐ trực tiếp nuôi hai con là CVQ, sinh ngày 15/02/2005 và CVK, sinh ngày 23/11/2006. Chị LTĐ không yêu cầu anh CVT phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTĐ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh CVT sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bầy nguyện vọng, anh CVT đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã MC, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh CVT.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTĐ và anh CVT có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh CVT không chăm lo xây dựng gia đình.

Hiện nay hai người đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTĐ và anh CVT đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTĐ yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTĐ được ly hôn anh CVT.

[3] Về con chung: Có hai con là CVQ, sinh ngày 15/02/2005 và cháu CVK, sinh ngày 23/11/2006, được xác định cháu CVQ đã có nghề nghiệp và có nguyện vọng không yêu cầu bố mẹ phải nuôi dưỡng, tuy nhiên do cháu chưa đủ 18 tuổi. Cần giao cho chị LTĐ trực tiếp nuôi hai con, là đúng nguyện vọng của các cháu, chị LTĐ không yêu cầu anh CVT phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTĐ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị LTĐ được ly hôn anh CVT.

2. Về con chung: Giao cho chị LTĐ trực tiếp nuôi hai con CVQ, sinh ngày 15/02/2005 và CVK, sinh ngày 23/11/2006. Anh CVT không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị LTĐ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004077 ngày 13/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị LTĐ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 05/4/2021.

Anh CVT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NguyÔn Minh TuÊn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã MK, huyện TC (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.